

Số: /KH-UBND

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH
Phát triển sản xuất lúa gạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2025

Thực hiện Chương trình số 28/CT-TU ngày 20/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 19/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch phát triển sản xuất lúa gạo trên địa bàn tỉnh năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT LÚA GẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Đặc điểm, tình hình

Diện tích sản xuất lúa tỉnh Cà Mau khoảng 314.982 ha, trong đó lúa Hè Thu khoảng 94.142 ha, lúa Đông Xuân khoảng 93.469 ha, lúa Thu Đông 34.035 ha, lúa tôm khoảng 90.266 ha và lúa mùa khoảng 3.070 ha, sản lượng ước đạt 1.864.000 tấn/năm. Tỉnh Cà Mau có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để sản xuất nông nghiệp, đặc biệt lúa chất lượng cao. Với đặc điểm đất ven biển, có nhiều dinh dưỡng, nhất là khoáng vi lượng, cho chất lượng gạo tốt, ít ô nhiễm; mức độ sâu bệnh thấp, cùng với việc áp dụng mạnh mẽ các tiến bộ kỹ thuật và đẩy mạnh thực hiện mô hình kinh tế tập thể, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất lúa gạo và đáp ứng tốt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ trong nước và quốc tế, phù hợp nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

2. Đánh giá

2.1. Thuận lợi

- Các chủ trương, chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất lúa gạo được quan tâm, thực hiện kịp thời. Công tác quản lý về chất lượng lúa giống, vật tư đầu vào được tăng cường; công tác thông tin, dự báo thời tiết, thị trường giá cả được quan tâm, cập nhật; công tác khuyến nông luôn được chú trọng, năng lực tiếp thu và ứng dụng khoa học, tiến bộ kỹ thuật của người dân được cải thiện. Nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả được triển khai nhân rộng, tạo điều kiện cho người dân tham quan trao đổi, học tập kinh nghiệm.

- Một số tổ chức đại diện của nông dân (như hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác (THT)) có sự chuyển biến tích cực về chất lượng hoạt động, mở rộng quy mô, phát triển dịch vụ hỗ trợ sản xuất, qua đó góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị lúa gạo.

2.2. Khó khăn và nguyên nhân

a) Khó khăn

- Một số vùng sản xuất lúa còn phụ thuộc vào thời tiết (vùng Nam Cà Mau), diễn biến thời tiết phức tạp, gây khó khăn cho sản xuất lúa.

- Tổ chức sản xuất còn manh mún, kinh tế hợp tác và liên kết sản xuất, tiêu thụ rất hạn chế, kém bền vững; chưa xây dựng được mô hình liên kết sản xuất theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

- Việc ứng dụng công nghệ mới như chuyển đổi số, cơ giới hóa cho sản xuất lúa gạo tuy có chuyển biến nhưng còn chậm; chưa tận dụng, phát huy sản phẩm phụ ngoài hạt gạo.

b) Nguyên nhân

Chính sách hỗ trợ vốn phát triển sản xuất còn khó khăn, doanh nghiệp và người dân chưa được tiếp cận nhiều với các nguồn tín dụng ưu đãi. Các địa phương thiếu nguồn lực đầu tư nhất là vốn đầu tư cho hệ thống thủy lợi, giao thông. Kinh tế hợp tác phát triển chậm, năng lực quản lý điều hành HTX hạn chế. Doanh nghiệp chế biến lúa gạo trong tỉnh số lượng ít, quy mô nhỏ, công nghệ chưa cải tiến; công tác thông tin, dự báo thị trường, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, quảng bá chưa được thường xuyên. Đa phần hộ nông dân sản xuất có tuổi đời lớn, trình độ nhận thức không đồng đều, thiếu lực lượng lao động nên khó khăn trong việc tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Một bộ phận đội ngũ cán bộ chuyên môn địa phương năng lực còn hạn chế.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LÚA NĂM 2025

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Tiếp tục cơ cấu lại ngành lúa gạo theo hướng nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững với mục tiêu đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; hình thành và nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị ngành lúa gạo; sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao thu nhập của nông dân và lợi ích cho người tiêu dùng; góp phần tăng năng suất, sản lượng và giá trị ngành hàng lúa gạo.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện diện tích canh tác lúa đạt 189.374 ha, diện tích gieo trồng 314.982 ha. Trong đó, diện tích sử dụng giống lúa xác nhận trên 85%, giống chất lượng cao trên 70%, lượng giống gieo sạ 80 - 100 kg/ha trên 70% diện tích; diện tích ứng dụng quy trình canh tác tiên tiến trên 60%, giảm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật từ 25% trở lên, giảm phát thải khí nhà kính 10%.

- Phần đầu đạt sản lượng khoảng 1.365.000 tấn lúa (tương đương 819.000

tấn gạo) phục vụ tiêu thụ ngoài tỉnh và xuất khẩu¹.

- Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa đạt trên 50% diện tích; giảm thất thoát sau thu hoạch dưới 10%; lợi nhuận cho người trồng lúa đạt trên 30%.

- Mời gọi kết nối 10 - 15 doanh nghiệp ký kết hợp đồng liên kết và tiêu thụ lúa gạo với 15 - 20 HTX và 7 - 10 doanh nghiệp ký kết hợp đồng liên kết đầu vào. Phân đầu liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ (có hợp đồng liên kết, đặt hàng) đạt 15% diện tích canh tác.

- Thực hiện thí điểm mô hình và nhân rộng mô hình sản xuất lúa chất lượng cao phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh quy mô 1.290 ha.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Triển khai các chương trình, dự án, kế hoạch

Triển khai thực hiện tốt các chương trình, các đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành hàng lúa đã được phê duyệt².

2.2. Tổ chức sản xuất gắn với đầu tư kết cấu hạ tầng

- Quy hoạch, phân vùng sản xuất lúa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, giữ ổn định diện tích sản xuất chuyên lúa tại các xã, phường trọng điểm sản xuất chuyên lúa như xã Trần Văn Thời, Khánh Bình, Đá Bạc, Khánh Hưng, Khánh Lâm, Ninh Quới, Vĩnh Mỹ, Phước Long, Vĩnh Thanh, Châu Thới, phường Láng Tròn,... phân vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất chất lượng cao 25.000 ha (phía Nam Cà Mau), phát triển các mô hình sản xuất đa giá trị lúa - rau màu 500 ha, lúa - cá đồng để nâng cao thu nhập. Bố trí ổn định diện tích sản xuất lúa tôm tập trung ở các xã Biển Bạch, Trí Phải, Khánh An, U Minh, Ninh Thạnh Lợi, Vĩnh Lộc, Vĩnh Phước, Hồng Dân, phường Giá Rai,... phân đầu mở rộng thêm diện tích lúa tôm khoảng 1.000 - 1.500 ha ở các xã Thới Bình, Hồ Thị Kỷ, Lương Thế Trân, Hưng Mỹ,... đây là vùng còn tiềm năng phát triển. Xây dựng vùng nguyên liệu lúa sinh thái, hữu cơ khoảng 10.000 ha.

- Tăng cường đầu tư các công trình thủy lợi để khai thác, sử dụng và điều tiết nguồn nước có hiệu quả giữa các địa phương canh tác lúa, nhất là những nơi gặp khó khăn về nguồn nước. Hoàn thiện ô thủy lợi tại ấp 4, ấp 5 xã Đá Bạc quy mô 500 ha, ô thủy lợi Khánh Lâm (T29, T84...) quy mô 800 ha. Tranh thủ nguồn vốn Trung ương, ngân hàng Thế giới (WB) từ Dự án hạ tầng kỹ thuật cho lúa Cacbon thấp khu vực ĐBSCL và các nguồn vốn khác để phát triển, nâng cấp hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng kết hợp với kiến thiết đồng ruộng phục vụ cho phát triển Đề án 01 triệu ha đến năm 2030.

¹ trong đó: loại gạo trắng phẩm chất cao 70% (573.300 tấn), gạo thơm, đặc sản chiếm 25% (204.750 tấn), gạo phục vụ chế biến 5% (40.950 tấn).

² Đề án Phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2023 - 2030 (theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2023 - 2030). Kế hoạch số 115/KH-SNN ngày 15/8/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo tỉnh Cà Mau đến năm 2025 và 2030; Kế hoạch số 06/KH-SNNMT, ngày 15/7/2025 về Phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2025...

2.3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể gắn với liên kết sản xuất

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể theo Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 14/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tăng cường kết nối HTX, THT với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất theo hướng liên kết chuỗi từ khâu sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm đầu ra theo hợp đồng, đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Trong đó, củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các HTX hiện có; hỗ trợ thành lập mới HTX tại vùng sản xuất còn phân tán, chưa có tổ chức để thực hiện liên kết, tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp.

- Rà soát các mô hình liên kết bị đứt gãy để phân loại nguyên nhân từ phía doanh nghiệp hay nông dân; qua đó, có giải pháp tổ chức đối thoại, tháo gỡ; tư vấn, hỗ trợ việc chuẩn hóa lại nội dung hợp đồng liên kết, đảm bảo rõ ràng, có ràng buộc, tránh hình thức, tiến tới xây dựng kênh tiêu thụ bền vững.

2.4. Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất

- Tập trung chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ trong canh tác lúa, quy trình canh tác lúa tiên tiến (3 giảm 3 tăng, IPHM, VietGAP, sinh thái, hữu cơ,...), quy trình sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp (theo Quyết định số 145/QĐ-TT-CLT ngày 27/3/2024 của Cục Trồng trọt).

- Khuyến khích doanh nghiệp, HTX đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa sản xuất lúa tại các khâu sản xuất như: gieo sạ, bón phân, phun thuốc, cuốn rơm..., góp phần giải quyết vấn đề thiếu hụt lao động.

2.5. Kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm lúa gạo

- Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp đầu vào, phân tích dư lượng hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật qua đó cảnh báo nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm cho người sản xuất lúa và doanh nghiệp tiêu thụ. Tiếp tục đẩy mạnh Kế hoạch thực hiện thiết lập, quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản tỉnh Cà Mau giai đoạn 2023 - 2025, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về nhận thức an toàn thực phẩm trong sản xuất, bảo quản và chế biến lúa gạo.

2.6. Xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu xúc tiến thương mại lúa gạo

- Tăng cường xây dựng và phát triển các nhãn hiệu, thương hiệu lúa gạo đặc trưng địa phương. Khai thác quản lý tốt các nhãn hiệu được bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Lúa sinh thái Cà Mau”, “Lúa sạch Thới Bình” gắn với sản phẩm OCOP ở các địa phương. Phối hợp với Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam (VIETRISA) kết nối các HTX với doanh nghiệp bao tiêu nguyên liệu lúa ở các mô hình sản xuất lúa chất lượng cao phát thải thấp để xây dựng thương hiệu “Gạo Việt xanh phát thải thấp” của Hiệp hội tiến tới gắn với thương hiệu gạo Quốc gia.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ kết nối doanh nghiệp - HTX tiêu thụ lúa gạo, định hướng khai thác tốt thị trường nội địa; giới thiệu, quảng bá tốt thương hiệu gạo đặc trưng của tỉnh gắn với chỉ dẫn địa lý và vùng sản xuất an toàn thông qua hội nghị, hội chợ triển lãm, phiên chợ nông sản...

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện kế hoạch này, đồng thời, tập trung thực hiện một số nội dung như sau:

- Rà soát các chính sách hiện hành để kịp thời đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, điều chỉnh bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển ngành lúa gạo phù hợp với tình hình thực tế.

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển ngành hàng lúa gạo phù hợp với điều kiện của địa phương để đạt được các mục tiêu của kế hoạch.

- Chỉ đạo tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác và liên kết phát triển theo chuỗi; tổng kết, đánh giá các mô hình sản xuất có hiệu quả để phổ biến nhân rộng.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.

2. Các sở, ngành liên quan

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện các chính sách thu hút đầu tư; ưu tiên bố trí và cân đối vốn thực hiện kế hoạch có liên quan ngành hàng lúa gạo theo Nghị Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và ưu tiên nguồn lực về khoa học, công nghệ phục vụ cho sản xuất lúa năm 2025 và những năm tiếp theo; xây dựng giải pháp về khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong phát triển sản xuất lúa gạo trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Sở Công Thương: Tổ chức thực hiện công tác xúc tiến thương mại, đẩy mạnh tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, khai thác tốt thị trường nội địa.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức lại sản xuất lúa theo hướng liên kết chuỗi giá trị, góp phần nâng cao hiệu quả, giá trị sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Cần cứ chức năng, nhiệm vụ, tăng cường công tác phối hợp tổ chức tuyên truyền, triển khai Kế hoạch cho toàn thể cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên; chỉ đạo thành lập các chi hội, tổ hội sản xuất lúa gắn với liên kết chuỗi và đẩy mạnh ứng dụng các quy trình kỹ thuật mới để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể thực hiện, trong đó, chú trọng tăng cường chỉ đạo, phân công trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức, cá nhân để triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

- Tuyên truyền, vận động nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và nâng cao nhận thức người dân về lợi ích áp dụng tiến bộ kỹ thuật và tổ chức sản xuất theo hợp đồng, đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, nắm bắt địa bàn trong công tác tổ chức thực hiện, đặc biệt chú trọng xây dựng chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến bao tiêu đầu ra; thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước tại địa phương, nhất là kiểm tra, giám sát tình hình mua bán của các doanh nghiệp đầu mối, thương lái trên địa bàn, kịp thời phát hiện các vấn đề, chủ động xử lý, tháo gỡ các khó khăn; kịp thời thông tin, dự báo về tình hình thị trường, diễn biến thời tiết, dịch hại nhằm phục vụ tốt công tác tổ chức sản xuất.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 03/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Mục IV;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-XD;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Sử

22	Phường Giá Rai	5.301	5.870	6,35	5,74	33.671	294	5,9	1.735	294	6	1.764	5.007	5,6	28.039				275	7,8	2.133
23	Phường Láng Tròn	8.845	23.473	17,39	6,55	153.788	7.403	5,9	43.678	7.403	6	45.680	1.442	5,6	8.075				7.225	7,8	56.355
24	Xã Phong Thạnh	560	560	5,6	5,6	3.136							560	5,6	3.136						
25	Xã Hồng Dân	9.821	13.730	9,39	6,71	92.182	3.909	6,1	23.845				5.912	6,4	37.837				3.909	7,8	30.500
26	Xã Vĩnh Lộc	8.001	8.001	6,4	6,4	51.206							8.001	6,4	51.206						
27	Xã Ninh Thạnh Lợi	10.357	10.357	6,43	6,43	66.600							10.357	6,4	66.600						
28	Xã Ninh Quới	5.835	11.165	13,3	6,95	77.613	5.330	6,1	32.513				505	6,2	3.100				5.330	7,9	42.000
29	Xã Đông Hải	53	28	2,36	4,46	125							28	4,5	125						
30	Xã Hòa Bình	4.163	10.099	15,49	6,39	64.501	3.442	6	20.652	3.262	6	19.572							3.395	7,2	24.277
31	Xã Vĩnh Mỹ	9.774	29.322	19,57	6,52	191.288	9.774	6	58.644	9.774	6	58.644							9.774	7,6	74.000
32	Xã Phước Long	8.042	13.954	11,63	6,7	93.546	5.142	6,1	31.366	770	6	4.620	2.900	6,4	18.560				5.142	7,6	39.000
33	Xã Vĩnh Phước	10.699	13.818	8,43	6,53	90.176	2.299	6,1	14.024	820	6	4.920	8.400	6,4	53.760				2.299	7,6	17.472
34	Xã Phong Hiệp	3.981	3.981	6,4	6,4	25.478							3.981	6,4	25.478						
35	Xã Vĩnh Thanh	6.365	17.960	18,62	6,6	118.542	6.295	6,1	38.400	5.300	6	31.800	70	7,1	500				6.295	7,6	47.842
36	Xã Vĩnh Lợi	4.204	8.408	13,6	6,8	57.174	4.204	6,1	25.644										4.204	7,5	31.530
37	Xã Hưng Hội	3.009	6.018	13,62	6,81	40.975	3.009	6,1	18.355										3.009	7,5	22.620
38	Xã Châu Thới	7.378	19.696	17,72	6,64	130.727	7.378	6,1	45.006	4.940	6,08	30.018							7.378	7,5	55.704

Phụ lục II**BẢNG THEO DÕI NHIỆM VỤ TRONG TÂM GIAO CHO UBND XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025***(kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / / 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Nhiệm vụ	Tiến độ hoàn thành	Sản phẩm
1	Ban hành kế hoạch triển khai, kèm bản phân công cán bộ phụ trách theo dõi	Tháng 7/2025	Kế hoạch, kèm bảng phân công tháng 7
2	Tổ chức họp giao ban, đôn đốc thực hiện thường xuyên	Hàng tháng	Báo cáo hàng tháng
3	Tổ chức kiểm tra thực tế	Hàng quý	Báo cáo quý III, IV
4	Tổ chức, phối hợp tổ chức ít nhất 04 đợt tuyên truyền hoặc tập huấn cho người dân (mỗi tháng 02 đợt)	Tháng 7 - 8/2025	Báo cáo tháng 7, 8
5	Đạt 100% chỉ tiêu được giao về sản lượng	Hàng quý	Báo cáo quý III, IV
6	Đạt 100% chỉ tiêu được giao về diện tích	Hàng quý	Báo cáo quý III, IV
7	Thành lập mới ít nhất 01 HTX, THT	06 tháng cuối năm	Báo cáo, kèm hồ sơ liên quan
8	Ký mới ít nhất 01 hợp đồng liên kết, tiêu thụ sản phẩm	06 tháng cuối năm	Báo cáo, kèm hồ sơ liên quan
9	Báo cáo kết quả định kỳ hàng tháng	Hàng tháng	Báo cáo hàng tháng
10	Đề xuất, sáng kiến, cách làm hay được nhân rộng (nếu có)	06 tháng cuối năm	Báo cáo, kèm hồ sơ liên quan (nếu có)